

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 874/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 17 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xóa nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước
cho các hợp tác xã phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-TTg ngày 05/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã phi nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 09/2004/TT-BTC ngày 11/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai thực hiện xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã phi nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục Thuế tại Tờ trình số 622/TTr-CT ngày 15/5/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước phát sinh từ ngày 31/12/1999 trở về trước cho 24 Hợp tác xã phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, với số tiền là 476.297.590 đồng. Chi tiết từng đơn vị như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Cục Thuế có trách nhiệm lập thủ tục thực hiện việc xóa nợ cho các hợp tác xã phi nông nghiệp theo quy định hiện hành và thông báo cho các đơn vị biết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa và các huyện: Phú Hòa, Tây Hòa, Đông Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Lộc

Phụ lục:
DANH SÁCH CÁC HỢP TÁC XÃ PHI NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC XÓA NỢ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 17/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên hợp tác xã	Ngành nghề kinh doanh	Tổng số nợ được xóa	Trong đó						Lý do nợ		
				Thuế GTGT	Thuế doanh thu	Thuế thu nhập DN	Thuế lợi tức	Thuế tài nguyên	Thuế môn bài		Triển phạt	
I	Thành phố Tuy Hoà		41.750.283	23.060.508		18.189.775					500.000	
1	Tổ hợp tác Đức Tuấn	Sửa chữa cơ điện	2.554.000	2.554.000								Giải thể
2	HTX Xây dựng thủy lợi	Xây dựng thủy lợi	250.000		250.000							Giải thể
3	HTX Xây dựng thủy lợi 3	Xây dựng thủy lợi	250.000		250.000							Giải thể
4	HTX Ấc quy Nhạn Đà	Sản xuất ắc quy	14.533.750	14.533.750								Giải thể
5	HTX Phước Thành	Sửa chữa, đóng tàu thuyền	24.162.533	5.972.758		17.689.775					500.000	Giải thể
II	Huyện Phú Hoà		219.388.407		958.499		77.125.708				141.304.200	
1	HTX KDTH Hoà Quang II	Dịch vụ N. nghiệp	117.808.696				41.940.296				75.868.400	Giải thể
2	HTX KDTH Hoà Trị I	Dịch vụ N. nghiệp	23.168.200				8.000.000				15.168.200	Giải thể
3	HTX KDTH Hoà An Tây	Dịch vụ N. nghiệp	6.787.451		745.289		1.651.762				4.390.400	Giải thể
4	HTX KDTH Hoà Định Đông II	Dịch vụ N. nghiệp	16.158.560		213.210		5.533.650				10.411.700	Giải thể
5	HTX KDTH Hoà Định Đông I	Dịch vụ N. nghiệp	55.465.500				20.000.000				35.465.500	Giải thể
III	Huyện Tây Hoà		3.946.100		1.818.181		681.819				1.446.100	
1	HTX Xây dựng Vĩnh Phát	Xây dựng công trình	3.946.100		1.818.181		681.819				1.446.100	Giải thể
IV	Huyện Đông Hoà		211.212.800	40.865.000		80.449.800		82.248.000	7.650.000			
1	HTX Khai thác hải sản Phú Cường	Đánh bắt hải sản	16.719.500	4.159.800		6.951.700		4.608.000	1.000.000			Giải thể
2	HTX Khai thác hải sản Phước Lợi	Đánh bắt hải sản	11.704.200			4.792.200		6.912.000				Giải thể
3	HTX Khai thác hải sản Phú Vinh	Đánh bắt hải sản	20.075.900	5.493.300		8.670.600		5.912.000				Giải thể
4	HTX Khai thác hải sản Trung Hải	Đánh bắt hải sản	17.005.600	4.753.400		7.644.200		4.608.000				Giải thể
5	HTX Khai thác hải sản Việt Trung	Đánh bắt hải sản	18.747.200	3.418.500		7.416.700		6.912.000	1.000.000			Giải thể
6	HTX Khai thác hải sản Trung Hoà	Đánh bắt hải sản	15.413.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000				Giải thể
7	HTX Khai thác hải sản Tiến Hải	Đánh bắt hải sản	16.413.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000	1.000.000			Giải thể
8	HTX Khai thác hải sản Bình Phú	Đánh bắt hải sản	14.413.800	2.880.000		5.621.800		5.912.000				Giải thể
9	HTX Khai thác hải sản Phước Hải	Đánh bắt hải sản	14.413.800	2.880.000		5.621.800		5.912.000				Giải thể
10	HTX Khai thác hải sản Thái Bình	Đánh bắt hải sản	16.963.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000	1.550.000			Giải thể
11	HTX Khai thác hải sản An Phú	Đánh bắt hải sản	16.963.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000	1.550.000			Giải thể
12	HTX Khai thác hải sản Hải Phú	Đánh bắt hải sản	16.963.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000	1.550.000			Giải thể
13	HTX Nghề cá Trung Nghĩa	Đánh bắt hải sản	15.413.800	2.880.000		5.621.800		6.912.000				Giải thể
	Tổng cộng		476.297.590	63.925.508	2.776.680	98.639.575	77.807.527	82.248.000	7.650.000		143.250.300	

